TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 11 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Đặng Thị N- sinh năm: 1967. Địa chỉ: 94 Lê Hữu T, tổ 37, An Cư II, phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Ông Lê Đức T- sinh năm 1964. Địa chỉ: 94 Lê Hữu T, tổ 37, An Cư II, phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của bà Đặng Thị N và ông Lê Đức Tnộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T kết hôn tại Trích lục kết hôn số 127; số 34, quyển số 01 tại UBND phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02.6.1989. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải bà Đặng Thị N trình bày ý kiến: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắng nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không những không được khắc phục mà

ngày càng trầm trọng hơn. Xét về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương ông Lê Đức T nữa nên yêu cầu Tòa án cho vợ chồng chúng tôi được thuận tình ly hôn.

- Ý kiến của ông Lê Đức T: ông Tân thống nhất như lời trình bày bà Đặng Thị N về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nơi ở sau khi kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắng nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không những không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Xét về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương bà N nữa nên yêu cầu Tòa án cho vợ chồng chúng tôi được thuận tình ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà N và ông T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì bà N và ông T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T xác định có 02 con chung, tên là: Lê Đức D– sinh ngày 28.6.1990; Lê Đức M– sinh ngày 18.01.1997. Nay các con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên bà Nhung và ông Tân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T khai không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng *(ba trăm ngàn đồng)* bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T đã nộp 300.000đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0007641 ngày 04.3.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thụ lý, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn bà Đặng Thị N là ông Lê Đức T *(Trích lục kết hôn số 127; số 34, quyển số 01 tại UBND phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02.6.1989 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về nuôi con chung: bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T xác định có 02 con chung, tên là: Lê Đức D – sinh ngày 28.6.1990; Lê Đức M – sinh ngày 18.01.1997. Nay các con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên bà Nhung và ông Tân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: , bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T khai không có nợ chung.

- Về tài sản chung: bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng *(ba trăm ngàn đồng)* bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Đặng Thị N và ông Lê Đức T đã nộp 300.000đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0007641 ngày 04.3.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường A,
q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG